ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2522/QĐ-UBND	*Việt Trì, ngày 04 tháng 9 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường E4–E7, thành phố Việt Trì

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ, Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 987/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2008 của UBND thành phố Việt Trì, Tờ trình số 930/SGTVT-KHKT ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Sở Giao thông vận tải và Tờ trình số 403/TTr-SKH&ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường E4–E7, thành phố Việt Trì với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Tuyến đường E4–E7, thành phố Việt Trì.

2. Chủ đầu tư: UBND thành phố Việt Trì.

3. Nhà thầu lập dự án đầu tư: Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng hạ tầng Hà Nội.

4. Mục tiêu: Phát triển hệ thống giao thông nội thị giai đoạn 2006 – 2010 đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của thành phố Việt Trì.

5. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng.

Là đường phố cấp khu vực, chiều dài tuyến: 2.401,0m từ đường Hai Bà Trưng kéo dài (E4) đến đường Trần Phú (E7).

5.1 Bình đố tuyến: Vận tốc thiết kế Vtk = 60km/h, bán kính đường cong nằm nhỏ nhất Rmin = 150m.

5.2 Trắc dọc: Tuân thủ độ cao thiết kế tại các nút E4,E7 đã được duyệt.

- Chiều dài dốc dọc ngắn nhất 100,0m
- Độ dốc dọc lớn nhất: imax = 1,12%.

5.3 Trắc ngang: Mặt cắt ngang rộng 27m (lòng đường rộng 15,0m, hè mỗi bên rộng 6m).

Độ dốc ngang mặt đường i = 2%, độ dốc ngang hè i = 2%.

Ta luy mái đường đắp: 1/1.50; ta luy mái đường đào: 1/1,0

Độ chặt nền đường đắp: Lớp đất có chiều dày 50cm sát đáy kết cấu áo đường K ≥ 0,98, các lớp còn lại K ≥ 0,95. Độ chặt nền đường đào và nền đường không đào, không đắp: lớp đất có chiều dày 30 cm sát đáy kết cấu áo đường K≥ 0,98.

Xử lý nền đất yếu:

- Đoạn từ Km0 đến Km+318 và đoạn từ Km2 +8,67 đến Km2+209,23: Vén bùn đất hữu cơ chiều dày từ 0,5m đến 2m; đóng cọc tre tiêu chuẩn 25 cọc/m^2; rải vải địa kỹ thuật và đắp trả bằng cát hạt thô.
- Đoạn từ Km0 + 318 đến Km0 + 931,89 và đoạn từ Km 1 + 241,41 đến Km1 + 373,27: Vén bùn đất hữu cơ chiều dày trung bình 0,5; rải vải địa kỹ thuật và đắp trả bằng cát hạt thô.

5.4 Kết cấu áo đường: Tải trọng thiết kế H30 – XB80, mô đuyn đàn hồi yêu cầu Eyc ≥ 140MPa.

Kết cấu áo đường gồm 4 lớp: BTN hạt mịn dày 5cm, tưới nhựa dính bám 0,50kg/m^2, BTN hạt trung dày 7cm, tưới nhựa dính bám 1,0 kg/m^2, cấp phố đá dăm loại I dày 15cm, cấp phối đá dăm loại II dày 25cm.

5.5 Hệ thống thoát nước:

Thoát nước mặt: Bên trái tuyến bố trí rãnh dọc thoát nước xây đá hộc vữa XM mac 100, rộng 0,80m; đan BTCT trên hè dày 8cm, đoạn qua đường dày 12cm.

Bên phải tuyến bố trí hào kỹ thuật kết hợp với rãnh thoát nước xây đá hộc vữa XM mac 100, rộng 1,35m; đan BTCT trên hè dày 8cm, đoạn qua đường dày 18cm.

Bố trí 4 cống tròn BTCT Φ 150 thoát nước ngang.

5.6 Nút giao: Tất cả các nút giao thông đều thiết kế giao cùng mức; bán kính mép đường tại nút giao R = 10,0m – 30,0m.

5.7 Hè phố, cây xanh, chiếu sáng:

Hè phố lát gạch Block màu trên lớp đệm cát vàng gia cố xi măng 6%.

Cây xanh: Cây xanh trồng 2 bên hè với khoảng cách giữa các cây 7m. Ô trồng cây xây gạch chỉ, ốp xung quanh bằng gạch thẻ.

Chiếu sáng: Dùng cột điện mạ kẽm, đặt so le với khoảng cách 25/cột, bóng cao áp thủy ngân có công suất 150 W và 250 W.

6. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, thiết kế áp dụng:

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22 TCN 263 – 2000.
- Quy trình khảo sát đường ô tô trên nền đất yếu 22 TCN 262 – 2000.

- Quy trình khoan thăm dò địa chất 22 TCN 259 – 2000.

Tiêu chuẩn thiết kế đường và quảng trường đô thị 20 TCN 104 – 83.

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054 – 2005.

- Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 211 – 06 – áo đường mềm, các yêu cầu chỉ dẫn thiết kế.

- Quy trình thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn 22 TCN 18 – 79.

- Điều lệ báo hiệu đường bộ 22 TCN 237 – 01.

- Định hình cống 533 – 01 – 01, 533 – 01 – 02 và 86 – 02X.

7. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận phường Tân Dân và xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì.

8. Diện tích sử đụng đất: Tổng diện tích đất xây dựng là 237.603m^2

Trong đó:

- Đất xây dựng đường là 91.243m^2

- Đất thu hồi hai bên đường là 146.360m^2

9. Tổng mức đầu tư của dự án:

STT	Khoản mục chi phí	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí xây lắp	72.085.733.000
2	Chi phí quản lý dự án	1.022.712.000
3	Chi phí đầu tư xây dựng	3.466.712.000
4	Chi phí khác	1.946.361.000
5	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	12.882.302.000
6	Chi phí dự phòng	9.140.382.000
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+6)	**100.544.202.000**
Một trăm tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm linh hai nghìn đồng		

10. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, nguồn do UBND thành phố Việt Trì vay và nguồn ngân sách thành phố Việt Trì.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2008 đến năm 2010.

Điều 2. UBND thành phố Việt Trì có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng để triển khai thi công công trình: Tuyến đường E4-E7 đảm bảo chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hải